

Số: *1700* /QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày *09* tháng *11* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục học phần học trước 15 tín chỉ
các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường Đại học Duy Tân thành Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-DTg ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Duy Tân về việc công nhận Giám đốc Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Duy Tân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục học phần cho phép sinh viên đăng ký học trước tối đa 15 tín chỉ các ngành thuộc trình độ thạc sĩ (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Sau đại học, Trường Đào tạo, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT. *5*



TS. Lê Nguyên Bảo

**DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

TT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO
1	8480101	Khoa học máy tính	Ứng dụng
2	8480103	Kỹ thuật phần mềm	Ứng dụng
3	8480202	An toàn thông tin	Ứng dụng
4	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	Ứng dụng
5	8340101	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng
6	8340301	Kế toán	Ứng dụng
7	8340201	Tài chính – Ngân hàng	Ứng dụng
8	8580201	Kỹ thuật xây dựng	Ứng dụng
9	8520203	Kỹ thuật điện tử	Ứng dụng
10	8520320	Kỹ thuật môi trường	Ứng dụng
11	8310206	Quan hệ quốc tế	Ứng dụng
12	8380107	Luật kinh tế	Ứng dụng
13	8229030	Văn học	Ứng dụng
14	8810103	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Ứng dụng
15	8720212	Tổ chức quản lý dược	Ứng dụng
16	8720206	Dược liệu và Dược học cổ truyền	Ứng dụng

GIÁM ĐỐC

TS. Lê Nguyễn Bảo



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
MÃ NGÀNH: 8480101

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2700/QĐ-ĐHDT**
ngày **09** tháng **4** năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 500	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	IS 701	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Chọn 3 trong 6 học phần
4	CS 616	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3	
5	CS 602	Mạng và truyền dữ liệu nâng cao	3	
6	CS 676	An toàn và bảo mật thông tin	3	
7	CS 722	Khai mở dữ liệu	3	
8	CS 621	Máy học (Machine Learning)	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Mác Lê nin	3
PHI 100	Phương pháp luận	2
IS 301	Cơ Sở Dữ Liệu	3
CS 416	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3
CS 252	Mạng Máy Tính	3
CS 376	Giới Thiệu An Ninh Mạng	3
DS 321	Machine Learning 1	3
DS 371	Machine Learning 2	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM
MÃ NGÀNH: 8480103

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1700/QĐ-ĐHDT**
ngày **09** tháng **4** năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 500	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	IS 701	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Chọn 3 trong 7 học phần
4	CS 616	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3	
5	CS 602	Mạng và truyền dữ liệu nâng cao	3	
6	CS 700	Công nghệ phần mềm nâng cao	3	
7	CS 722	Khai mở dữ liệu	3	
8	CS 621	Máy học (Machine Learning)	3	
9	CS 703	Kiến trúc phần mềm	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Mác Lê nin	3
PHI 100	Phương pháp luận	2
IS 301	Cơ Sở Dữ Liệu	3
CS 416	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3
CS 252	Mạng Máy Tính	3
CS 403	Công Nghệ Phần Mềm	3
DS 321	Machine Learning 1	3
DS 371	Machine Learning 2	3
CS 303	Phân Tích & Thiết Kế Hệ Thống	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN

MÃ NGÀNH: 8480202

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 500	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	CY 766	Lập trình Python cho An toàn thông tin	3	Chọn 3 trong 6 học phần
4	CS 616	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3	
5	CS 602	Mạng và truyền dữ liệu nâng cao	3	
6	CY 741	Mật mã và ứng dụng trong An toàn thông tin	3	
7	CY 728	Tấn công và phòng thủ mạng	3	
8	CS 621	Máy học (Machine Learning)	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Mác Lê nin	3
PHI 100	Phương pháp luận	2
CS 466	Perl& Python	3
CS 416	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3
CS 252	Mạng Máy Tính	3
CS 430	Kỹ nghệ bảo mật	3
CS 428	Tấn công mạng	2
DS 371	Machine Learning 2	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

MÃ NGÀNH: 8340405

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 500	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	IS 701	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	Chọn 3 trong 7 học phần
4	CS 616	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3	
5	CS 602	Mạng và truyền dữ liệu nâng cao	3	
6	IS 616	Hệ thống thông tin quản lý	3	
7	CS 722	Khai mở dữ liệu	3	
8	IS 723	Phân tích dữ liệu	3	
9	IS 621	Thương mại điện tử	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Mác Lê nin	3
PHI 100	Phương pháp luận	2
IS 301	Cơ Sở Dữ Liệu	3
CS 416	Cấu Trúc Dữ Liệu & Giải Thuật Nâng Cao	3
CS 252	Mạng Máy Tính	3
IS 251	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý	3
DS 321	Machine Learning 1	3
DS 303	Principles of Big Data	3
IS 385	Kỹ Thuật Thương Mại Điện Tử	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

MÃ NGÀNH: 8340101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700 /QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ECO-A 602	Kinh tế vi mô	3	Chọn 5 trong 10 học phần
2	ECO-A 607	Kinh tế vĩ mô	3	
3	LAW- A 603	Luật kinh tế	3	
4	ACC-A 601	Kế Toán Quản Trị	3	
5	IS-A 651	Hệ thống Thông tin quản lý	3	
6	MKT- A 651	Quản trị Tiếp thị	3	
7	FIN-A 601	Quản Trị Tài Chính	3	
8	ACC-A 621	Phân tích báo cáo tài chính	3	
9	BNK-A 606	Quản trị Ngân hàng thương mại	3	
1 0	HRM- A 601	Quản trị nhân sự	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
ECO 151	Căn bản kinh tế vi mô	3
ECO 152	Căn bản kinh tế vĩ mô	3
LAW 403	Cơ sở luật kinh tế	3
ACC 301	Kế toán quản trị 1	3
IS 251	Hệ thống thông tin quản lý	3
MKT 364	Quảng cáo & chiêu thị	3
FIN 302	Quản trị tài chính 2	3
ACC 421	Phân tích báo cáo tài chính	3
BNK 406	Quản trị Ngân hàng thương mại	3
HRM 301	Quản trị nhân lực	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ

NGÀNH KẾ TOÁN

MÃ NGÀNH: 8340301

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-ĐHDT
ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)*

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ECO-A 602	Kinh tế vi mô	3	Chọn 5 trong 10 học phần
2	ECO-A 607	Kinh tế vĩ mô	3	
3	LAW-A 603	Luật kinh tế	3	
4	ACC-A 601	Kế Toán Quản Trị	3	
5	AUD-A 655	Kiểm Soát Nội Bộ	3	
6	ACC-A 552	Kế Toán Tài Chính	3	
7	FIN-A 601	Quản Trị Tài Chính	3	
8	ACC-A 621	Phân tích báo cáo tài chính	3	
9	BNK-A 606	Quản trị Ngân hàng thương mại	3	
10	HRM-A 601	Quản trị nhân sự	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
ECO 151	Căn bản kinh tế vi mô	3
ECO 152	Căn bản kinh tế vĩ mô	3
LAW 403	Cơ sở luật kinh tế	3
ACC 301	Kế toán quản trị 1	3
AUD 455	Kiểm soát nội bộ	3
ACC 304	Kế toán tài chính 2	3
FIN 302	Quản trị tài chính 2	3
ACC 421	Phân tích báo cáo tài chính	3
BNK 406	Quản trị Ngân hàng thương mại	3
HRM 301	Quản trị nhân lực	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ NGÀNH: 8340201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ECO-A 602	Kinh tế vi mô	3	Chọn 5 trong số 10 học phần
2	ECO-A 607	Kinh tế vĩ mô	3	
3	LAW-A 603	Luật kinh tế	3	
4	ACC-A 601	Kế Toán Quản Trị	3	
5	AUD-A 655	Kiểm Soát Nội Bộ	3	
6	BNK-A 606	Quản trị NH thương mại	3	
7	FIN-A 601	Quản Trị Tài Chính	3	
8	ACC-A 621	Phân tích báo cáo tài chính	3	
9	BNK-A 606	Quản trị Ngân hàng thương mại	3	
10	HRM-A 601	Quản trị nhân sự	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
ECO 151	Căn bản kinh tế vi mô	3
ECO 152	Căn bản kinh tế vĩ mô	3
LAW 403	Cơ sở luật kinh tế	3
ACC 301	Kế toán quản trị 1	3
AUD 455	Kiểm soát nội bộ	3
BNK 406	Quản trị ngân hàng thương mại	2
FIN 302	Quản trị tài chính 2	3
ACC 421	Phân tích báo cáo tài chính	3
BNK 406	Quản trị Ngân hàng thương mại	3
HRM 301	Quản trị nhân lực	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG

MÃ NGÀNH: 8580201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700 /QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI-A 550	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI-A 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	CIE 676	Kết Cấu Bê Tông Cốt Thép Nâng Cao	3	Chọn 3 trong số 5 học phần
4	CIE 675	Thiết Kế Nhà Cao Tầng	3	
5	CIE 633	Thí Nghiệm và Kiểm Định Công Trình	3	
6	CIE 671	Vật Liệu Xây Dựng Nâng Cao	3	
7	CIE 741	Quản Lý Dự Án Xây Dựng	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Marx-Lenin	3
PHI 100	Phương pháp Luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2
CIE 471	Kết Cấu Bê Tông Cốt Thép Đặc Biệt	2
CIE 475	Kết Cấu Nhà Cao Tầng	2
CIE 480	Thí Nghiệm và Kiểm Định Công Trình	1
CIE 371	Vật Liệu Xây Dựng Nâng Cao	2
CIE 441	Quản Lý Dự Án Xây Dựng	2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ
MÃ NGÀNH: 8520203

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1770 /QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI-A 550	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI-A 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	CR A1	Lý thuyết viễn thông	3	Chọn 3 trong số 7 học phần
4	CR A2	Đồ án lập trình nhúng	3	
5	CR A3	Đồ án máy tính và hệ điều hành	3	
6	CR B1	Đồ án mạch điện tử	3	
7	CR B2	Hệ thống thông tin viễn thông	3	
8	CR B3	Đồ án kỹ thuật xung – số	3	
9	CR B4	Đồ án Kỹ thuật truyền thông	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Marx-Lenin	3
PHI 100	Phương pháp Luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2
EE 439	Truyền thông không dây	3
CR 361	Hệ vi xử lý và giao diện	3
CR 251 PNU- CR 363	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành (Hoặc) Operating System with Embedded System Design	3
EE 200 PNU- EE 200	Mạch và linh kiện điện tử (Hoặc) Electronic Component Circuits	3
EE 435 EE 436	Thiết bị đầu cuối viễn thông (Hoặc) Kỹ thuật điện thoại và tổng đài	3
EE 252 PNU- EE 252	Kỹ thuật số (Hoặc Digital Fundamental)	3
EE 384	Kỹ thuật truyền số liệu	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

MÃ NGÀNH: 8520320

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1300** /QĐ-ĐHDT
ngày **09** tháng **4** năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI-A 550	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI-A 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	EVR 504	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường đất nâng cao	2	Chọn 3 trong số 5 học phần
4	EVR 505	Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí và tiếng ồn nâng cao	3	
5	EVR 506	Thoát nước và kỹ thuật xử lý nước thải nâng cao	3	
6	EVR 507	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và CTNH nâng cao	3	
7	EVR 509	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Marx-Lenin	3
PHI 100	Phương pháp Luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2
EVR 414	Kỹ Thuật Kiểm Soát Ô Nhiễm Môi Trường Đất	2
EVR 434	Kỹ Thuật Kiểm Soát Ô Nhiễm Không Khí, TiếngỒn & Phóng Xạ	3
HYD 398	Kỹ Thuật Xử Lý Nước Thải	3
TOX 423	Kỹ Thuật & Quản Lý Chất Thải Rắn	3
HYD 393	Kỹ Thuật Xử Lý Nước Cấp	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ
MÃ NGÀNH: 8310206

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700 /QĐ-ĐHDT
ngày 03 tháng 1 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	INR 601	Lý thuyết quan hệ quốc tế	3	Chọn 5 trong số 7 học phần
2	INR- 618	Chính sách đối ngoại của Việt Nam sau Đổi mới (1986))	3	
3	INR- 621	Quan hệ Quốc tế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	3	
4	INR - 626	Hợp tác và hội nhập Đông Á	3	
5	GEO - 671	Địa chính trị trong thời kỳ toàn cầu hóa	3	
6	POS 765	Các thể chế quốc tế và sự tham gia của VN	3	
7	LAW 603	Luật kinh tế	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
INR 301	Nhập Môn Quan Hệ Quốc Tế	2
HIS 314	Lịch Sử Quan Hệ Đối Ngoại của Việt Nam	2
INR 421	Quan Hệ Quốc Tế Châu Á - Thái Bình Dương	3
INR 426	Hợp Tác Và Hội Nhập Đông Á	3
INR 450	Các Vấn Đề Toàn Cầu	2
POS 365	Thể chế chính trị thế giới	3
LAW 403	Cơ sở luật kinh tế	3



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH LUẬT KINH TẾ
MÃ NGÀNH: 8380107**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700 /QĐ-ĐHDT
ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LAW-A 783	Luật lao động	3	Chọn 5 trong 9 học phần
2	LAW-A 768	Luật Đất đai	3	
3	LAW-A 676	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	
4	LAW 667	Pháp luật doanh nghiệp	3	
5	LAW A607	Pháp luật về thương mại	3	
6	LAW A776	Pháp luật về thương mại quốc tế	3	
7	LAW A777	Pháp luật về đầu tư	3	
8	LAW A665	Pháp luật về giải quyết tranh chấp	3	
9	COM A684	Nghệ thuật đàm phán	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
LAW 283	Luật lao động	2
LAW 368	Luật Đất đai	2
LAW 376	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2
LAW 207	Thương mại 1	2
LAW 307	Thương mại 2	2
LAW 476	Luật thương mại quốc tế	2
LAW 377	Luật đầu tư	2
LAW 495	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại	3
COM 384	Nghệ thuật đàm phán	2
COM 435	Quan hệ công chúng	2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ

NGÀNH VĂN HỌC

MÃ NGÀNH: 8229030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1700 /QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LIT 672	Các trào lưu của văn học Phương Tây hiện đại	3	Chọn 5 trong số 7 học phần
2	LIT 663	Văn học miền Nam Việt Nam 1954-1975	3	
3	LIT 771	Văn học cổ Phương Đông	3	
4	CUL 635	Lý thuyết liên văn bản	3	
5	LIT 640	Tiếp nhận văn học	3	
6	LIT 680	Thi pháp và ký hiệu học	3	
7	LIT 746	Kỹ thuật viết văn phi hư cấu	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
LIT 372	Văn Học Phương Tây	2
LIT 412	Văn Học Việt Nam từ 1945 đến nay	3
LIT 313	Văn Học Trung Đại Việt Nam	3
LIT 150	Dẫn Luận Ngôn Ngữ Học	2
LIT 301	Lý luận văn học 1	3
VIE 370	Chữ Hán và Hán Việt	3
LIN 261	Ngữ âm từ vựng, ngữ pháp	2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
MÃ NGÀNH: 8810103

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-ĐHDT
ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 500	Triết học	4	Chọn 15TC trong 10 học phần
2	PHI 600	Phương pháp NCKH	2	
3	MKT 653	Tiếp thị du lịch	3	
4	HRM 603	Quản trị nhân lực trong du lịch	3	
5	FIN 613	Quản trị tài chính trong du lịch	3	
6	MGT 708	Quản trị chiến lược trong du lịch	3	
7	STA 623	Phân tích thống kê du lịch	3	
8	MKT 724	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	3	
9	EVT 703	Quản trị du lịch MICE	3	
10	TOU 703	Quản trị tuyển điểm du lịch	3	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Marx-Lenin	3
PHI 100	Phương pháp Luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2
MKT 253	Tiếp thị du lịch	3
HRM 303	Quản trị nhân lực trong du lịch	3
FIN 413	Quản trị tài chính Khách sạn	3
MGT 403	Quản trị chiến lược	3
STA 423	Phân tích thống kê du lịch	3
MKT 424	Hành vi tiêu dùng trong du lịch	2
TOU 411	Quản trị sự kiện	2
TOU 431	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC**

MÃ NGÀNH: 8720212

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2706/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
T T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI-A 550	Triết học	4	Bắt buộc
2	PHI-A 600	Phương pháp NCKH	2	Bắt buộc
3	PHC 605	Sinh Dược Học & Bào Chế	3	Chọn 4 trong số 6 học phần
4	MED 614	Hóa Trị Liệu	2	
5	PHM 602	Dược Lâm Sàng	2	
6	PHM 623	Cảnh Giác Dược và Thông Tin Thuốc	2	
7	MKT 622	Quản Trị Marketing Dược	3	
8	LAW 792	Hệ Thống Pháp Luật và Quy Chế Dược	2	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Mác Lê nin	3
PHI 100	Phương pháp luận	2
PHC 406	Bào Chế & Sinh Dược Học 2	2
CHE 373	Hóa Dược 2	2
PHM 407	Dược Lâm Sàng 2	2
IS 437	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý Dược Khoa	2
MGT 392	Quản Trị Kinh Doanh Dược Phẩm	3
LAW 392	Pháp Chế Dược	3



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC 15 TÍN CHỈ
NGÀNH DƯỢC LIỆU VÀ DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN
MÃ NGÀNH: 8720206

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4700/QĐ-ĐHDT
ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Duy Tân)

DANH MỤC HỌC PHẦN HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ				
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	PHI 550	Triết học	3	Bắt buộc
2	PHI 600	Phương pháp luận NCKH	2	Bắt buộc
3	PHC 605	Sinh Dược Học & Bảo Chế	3	Chọn 4 trong 7 học phần
4	MED 614	Hóa Trị Liệu	2	
5	PHM 623	Cảnh Giác Dược và Thông Tin Thuốc	2	
6	PHC 730	Nghiên Cứu Phát Triển Thuốc Mới	2	
7	MED 668	Y Đức Nâng Cao	2	
8	STA 675	Thống Kê Sinh Học	3	
9	PHC 664	Bào Chế Hiện Đại	2	
Tổng số tín chỉ được đăng ký			15	

DANH MỤC HỌC PHẦN QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TƯƠNG ỨNG		
Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
PHI 150	Triết học Marx-Lenin	3
PHI 100	Phương pháp Luận (gồm Nghiên cứu khoa học)	2
PHC 406	Bào Chế & Sinh Dược Học 2	2
CHE 373	Hóa Dược 2	2
IS 437	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý Dược Khoa	2
CHE 260	Phức Chất và Gốc Tự Do trong Y Dược	1
MED 268	Y Đức	2
SPM 302	Dịch Tế Học	2
MCC 414	Vi Nang - Vi Cầu - Vi Hạt	1